

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 497/2023/DS-PT

Ngày: 27-12-2023

“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

• **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Tuấn.

Các Thẩm phán:

1. Bà Đặng Thị Đồng;

2. Ông Trần Quốc Vũ.

Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Minh Huy, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Châu, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 401/2023/TLPT-DS ngày 30 tháng 10 năm 2023, về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 119/2023/DS-ST ngày 05 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 421/2023/QĐ-PT ngày 06 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Bích T, sinh năm 1989. Địa chỉ: Tổ C, Khu phố B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

Bị đơn: Bà Đỗ Thị H, sinh năm 1979; ông Phan Văn H1, sinh năm 1970. Cùng địa chỉ: Số H, tổ A, Khu phố A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; bà H, ông H1 đều vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà H, ông H1: Anh Trần Quốc T1, sinh năm: 1987. Địa chỉ: Số A, đường N, khu phố H, phường H, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

Người kháng cáo: bị đơn ông Phan Văn H1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13-3-2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Bích T và người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:

Chị T cho vợ chồng bà H, ông H1 vay tiền nhiều lần. Đến ngày 13-12-2022, bà H vay của chị T 1.300.000.000 đồng để đáo hạn Ngân hàng; lãi suất vay 1,66%/tháng; thời hạn vay một tháng.

Sau một tháng, chị T đòi nợ nhiều lần nhưng không liên lạc được với bà H; ông H1 hứa cố gắng sắp xếp để trả nợ này cho chị T.

Nay chị T yêu cầu vợ chồng ông H1, bà H có nghĩa vụ trả cho chị T số tiền vay gốc là 1.300.000.000 đồng và tiền lãi vay từ ngày 13-12-2022 đến ngày 13-3-2023 là 64.740.000 đồng và tiền lãi vay tiếp tục tính từ ngày 13-3-2023 đến khi giải quyết xong vụ án, theo mức lãi suất 1,66%/tháng.

Bị đơn ông Phan Văn H1, bà Đỗ Thị H do anh Trần Quốc T1 đại diện trình bày: Bà H nhiều lần vay tiền của chị T cụ thể như sau:

- Ngày 16-9-2022, vay 900.000.000 đồng; lãi suất 2,5%/tháng. Cùng ngày 16-9-2022, bà H trả nợ gốc 400.000.000 đồng. Còn nợ 500.000.000 đồng.

- Ngày 21-9-2022, trả lãi 6.000.000 đồng. Ngày 03-10-2022 trả lãi 18.000.000 đồng. Tổng tiền lãi đã trả là: 24.000.000 đồng.

- Ngày 23-9-2022, bà H vay 1.000.000.000 đồng; lãi suất 2,5%/tháng. Ngày 03-10-2022 trả lãi 27.500.000 đồng.

- Ngày 30-9-2022, bà H vay 1.200.000.000 đồng; lãi suất 2,5%/tháng. Ngày 03-10-2022 trả lãi 12.000.000 đồng.

- Ngày 03-10-2022, hai bên cộng 03 khoản vay trên thành 01 giấy nợ; cụ thể: 500.000.000 đồng + 1.000.000.000 đồng + 1.200.000.000 đồng = 2.700.000.000 đồng.

Đến ngày 12-10-2022, bà H trả nợ gốc là 400.000.000 đồng và tiền lãi là 58.000.000 đồng; nên số tiền gốc còn lại là 2.300.000.000 đồng.

Đến ngày 24-10-2022, bà H trả lãi được 69.000.000 đồng.

Ngày 04-11-2022, bà H trả lãi 60.000.000 đồng.

Ngày 14-11-2022, bà H trả lãi 57.500.000 đồng.

Ngày 24-11-2022, bà H trả lãi 57.500.000 đồng.

Ngày 04-12-2022, bà H trả lãi 57.500.000 đồng.

Ngày 12-12-2022, bà H trả lãi 46.000.000 đồng.

Ngày 12-12-2022, bà H chuyển trả cho chị T số tiền gốc là 1.000.000.000 đồng. Số tiền nợ gốc còn lại là 1.300.000.000 đồng.

Từ ngày chốt số nợ gốc là: 1.300.000.000 đồng đến ngày 22-12-2022, bà H đã trả lãi 32.500.000 đồng.

Tổng cộng tiền lãi chị H đã trả cho chị T là: 501.500.000 đồng.

Số tiền gốc còn lại là 1.300.000.000 đồng.

Bị đơn yêu cầu khấu trừ số tiền lãi đã trả vượt quá theo quy định pháp luật là 1,66%/tháng vào số tiền nợ gốc 1.300.000.000 đồng. Cụ thể như sau:

Ngày 16-9-2022 vay số tiền 900.000.000 đồng. Kể từ ngày vay đến ngày 21-9-2022 (06 ngày) với số tiền: $900.000.000 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 06 \text{ ngày} = 2.988.000 \text{ đồng}$.

Trừ lãi vượt là: $6.000.000 - 2.988.000 = 3.012.000 \text{ đồng}$.

Ngày 03-10-2022, đã trả 400.000.000 đồng, còn 500.000.000 đồng. Từ ngày 16-9-2022 đến ngày 03-10-2022 (18 ngày) đã trả lãi với số tiền là: $500.000.000 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 18 \text{ ngày} = 4.986.000 \text{ đồng}$.

Trừ lãi vượt là: $18.000.000 \text{ đồng} - 4.986.000 \text{ đồng} = 13.014.000 \text{ đồng}$.

Ngày 23-9-2022, vay số tiền 1.000.000.000 đồng. Kể từ ngày 23-9-2022 đến ngày 03-10-2022 (11 ngày), lãi suất theo quy định: $1.000.000.000 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 11 \text{ ngày} = 6.087.000 \text{ đồng}$.

Trừ lãi vượt là: $27.500.000 \text{ đồng} - 6.087.000 \text{ đồng} = 21.413.000 \text{ đồng}$.

Ngày 30-9-2022, vay số tiền 1.200.000.000 đồng. Lãi suất theo quy định 1,66%/tháng. Kể từ ngày 30-9-2022 đến ngày 03-10-2022 (04 ngày) lãi suất là: $1.200.000.000 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 04 \text{ ngày} = 2.656.000 \text{ đồng}$.

Trừ lãi vượt là: $12.000.000 \text{ đồng} - 2.656.000 \text{ đồng} = 9.344.000 \text{ đồng}$.

Ngày 03-10-2022, cộng lại 03 khoản nợ thành 01 giấy nợ 2.700.000.000 đồng đến ngày 12-10-2022 (09 ngày), lãi suất là: $2.700.000.000 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 09 \text{ ngày} = 13.446.000 \text{ đồng}$.

Trừ lãi vượt là: $58.000.000 \text{ đồng} - 13.446.000 \text{ đồng} = 44.554.000 \text{ đồng}$.

Ngày 12-10-2022, trả gốc được 400.000.000 đồng, còn lại 2.300.000.000 đồng, đến ngày 24-10-2022 (12 ngày), tiền lãi: $2.300.000.000 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 12 \text{ ngày} = 11.454.000 \text{ đồng}$.

Trừ lãi vượt là: $69.000.000 \text{ đồng} - 11.454.000 \text{ đồng} = 57.546.000 \text{ đồng}$.

Ngày 25-10-2022 đến ngày 04-11-2022 (10 ngày), tiền lãi: $2.300.000.000 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 10 \text{ ngày} = 12.727.000 \text{ đồng}$.

Trừ lãi vượt là: $60.000.000 \text{ đồng} - 12.727.000 \text{ đồng} = 47.273.000 \text{ đồng}$.

Từ ngày 05-11-2022 đến ngày 14-11-2022 (10 ngày) tiền lãi: $2.300.000.000 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 10 \text{ ngày} = 12.727.000 \text{ đồng}$.

Trừ lãi vượt là: $57.500.000 \text{ đồng} - 12.727.000 \text{ đồng} = 44.773.000 \text{ đồng}$.

Từ ngày 15-11-2022 đến ngày 24-11-2022 (10 ngày), tiền lãi: $2.300.000.000 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 10 \text{ ngày} = 12.727.000 \text{ đồng}$.

Trừ lãi vượt là: $57.500.000 \text{ đồng} - 12.727.000 \text{ đồng} = 44.773.000 \text{ đồng}$.

Từ ngày 25-11-2022 đến ngày 04-12-2022 (10 ngày), tiền lãi: $2.300.000.000 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 10 \text{ ngày} = 12.727.000 \text{ đồng}$.

Trừ lãi vượt là: $57.500.000 \text{ đồng} - 12.727.000 \text{ đồng} = 44.773.000 \text{ đồng}$.

Từ ngày 05-12-2022 đến ngày 12-12-2022 (08 ngày), tiền lãi: $2.300.000.000 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 08 \text{ ngày} = 10.181.000 \text{ đồng}$.

Trừ lãi vượt là: $46.000.000 \text{ đồng} - 10.181.000 \text{ đồng} = 35.819.000 \text{ đồng}$.

Ngày 12-12-2022, số tiền nợ gốc còn lại 1.300.000.000 đồng đến ngày 22-12-2022 (10 ngày), tiền lãi: $1.300.000.000 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 10 \text{ ngày} = 7.193.000 \text{ đồng}$.

Trừ lãi vượt là: $32.500.000 \text{ đồng} - 7.193.000 \text{ đồng} = 25.307.000 \text{ đồng}$.

Tổng cộng tiền lãi suất đã trả vượt là 391.597.000 đồng.

Do cần trừ tiền lãi vượt vào tiền nợ gốc, nên tiền nợ còn nợ chị T là: $1.300.000.000 \text{ đồng} - 391.597.000 \text{ đồng} = 908.403.000 \text{ đồng}$.

Ngoài ra, ông H1 không biết số tiền bà H vay của chị T; bà H sử dụng tiền vay này vào mục đích cá nhân riêng, không chăm lo cho gia đình nên đây là nợ riêng của bà H.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số 119/2023/DS-ST ngày 05-9-2023 của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Bích T về tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bà Đỗ Thị H, ông Phan Văn H1.

Buộc bà Đỗ Thị H, ông Phan Văn H1 có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Bích T số tiền nợ vay gốc là 908.403.000 đồng và tiền lãi vay là 43.227.000 đồng. Tổng cộng là 951.630.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, nghĩa vụ do chậm thi hành án và quyền kháng cáo.

Ngày 19-9-2023, bị đơn ông Phan Văn H1 có đơn kháng cáo, ông H1 không đồng ý có trách nhiệm liên đới cùng bà H trả nợ vay cho chị T.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Trần Quốc T1 là người đại diện hợp pháp cho ông H1 trình bày: Ông H1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định pháp luật.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Phan Văn H1; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến đại diện Viện kiểm sát, xét kháng cáo của đương sự Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng:* Đương sự kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định, phù hợp tại Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung:* Xét yêu cầu kháng cáo của ông Phan Văn H1, nhận thấy:

2.1. Số tiền bà Đỗ Thị H nợ chị Nguyễn Thị Bích T phát sinh trong thời kỳ hôn nhân giữa bà H và ông Phan Văn H1. Bà H vay tiền còn nợ nhiều người và cho những người khác vay lại trong thời gian dài. Theo chứng từ thông tin biến động số dư trong tài khoản của bà Đỗ Thị H thể hiện ông H1 có chuyển khoản cho bà H và bà H cũng nhiều lần chuyển cho ông H1; nên có căn cứ xác định ông H1 có sử dụng chung nguồn tiền với bà H. Do đó, cấp sơ thẩm buộc ông H1 có nghĩa vụ liên đới cùng bà H trả nợ cho chị T là có cơ sở, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông H1.

2.2 Từ những phân tích trên, không chấp nhận kháng cáo của ông Phan Văn H1; chấp nhận lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do không chấp nhận yêu cầu kháng cáo nên ông H1 phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.
2. Không chấp nhận kháng cáo của ông Phan Văn H1.
3. Giữ nguyên Bản án Dân sự sơ thẩm số: 119/2023/DS-ST ngày 05 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.
4. Căn cứ vào các điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 27, Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình; các điều 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.
5. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Bích T về tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bà Đỗ Thị H, ông Phan Văn H1.
6. Buộc bà Đỗ Thị H, ông Phan Văn H1 có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Bích T số tiền nợ vay gốc là 908.403.000 (Chín trăm lẻ tám triệu bốn trăm lẻ

ba nghìn) đồng và tiền lãi là 43.227.000 (Bốn mươi ba triệu hai trăm hai mươi bảy nghìn) đồng. Tổng cộng là 951.630.000 (Chín trăm năm mươi một triệu, sáu trăm ba mươi nghìn) đồng.

7. Kể từ ngày 06-9-2023, cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

8. Về án phí:

8.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Chị Nguyễn Thị Bích T không phải chịu án phí. Hoàn trả cho chị T số tiền 26.471.000 (Hai mươi sáu triệu, bốn trăm bảy mươi một nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0008061 ngày 11-4-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

+ Bà Đỗ Thị H, ông Phan Văn H1 phải chịu 40.548.000 (Bốn mươi triệu, năm trăm bốn mươi tám nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

8.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Phan Văn H1 phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số: 0008554 ngày 25-9-2023, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

9. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

10. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

11. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDCC;
- VKSNDCC;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND huyện Tân Châu;
- CCTHADS huyện Tân Châu;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ;
- Đường sự;
- Lưu tập QĐ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quốc Tuấn